

Số : 02/2008/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005 và Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Kế toán năm 2003;

Căn cứ Nghị định 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Được sự chấp thuận sửa đổi, bổ sung Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng tại Công văn số 16862/BTC-CDKT ngày 10/12/2007 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Huỷ bỏ một số nội dung trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng (TCTD) ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 và Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) như sau:

1. Huỷ bỏ một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN:

- Tài khoản 312-Giá trị công cụ lao động đang dùng đã ghi vào chi phí;
- Tài khoản 921-Cam kết bảo lãnh cho khách hàng;
- Tài khoản 925-Cam kết tài trợ cho khách hàng.

2. Huỷ bỏ khoản 28 Điều 2 Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc NHNN.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung nội dung hạch toán của một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản các TCTD ban hành theo Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005 và Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc NHNN như sau:

1. Sửa đổi nội dung hạch toán trên các tài khoản quy định tại Điều 2 Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005 và nội dung hạch toán trên các tài khoản quy định tại khoản 6 Điều 3 Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc NHNN:

1.1. Đối với các tài khoản “Nợ đủ tiêu chuẩn”:

Các Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc vàng) TCTD cho các TCTD khác, các tổ chức, cá nhân (trong nước, nước ngoài) vay và được TCTD phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Nợ ghi:

- Số tiền cho các tổ chức, cá nhân, TCTD khác vay.
- Số tiền chuyển từ tài khoản nợ thích hợp khác sang theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Có ghi:

- Số tiền thu nợ từ các tổ chức, cá nhân, các TCTD khác.
- Số tiền chuyển sang tài khoản nợ thích hợp khác theo quy định hiện hành về phân loại nợ.
- Số tiền TCTD chuyển sang theo đổi trên tài khoản ngoại bảng.

Số dư Nợ:

- Phản ánh nợ vay của các tổ chức, cá nhân, các TCTD khác được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Hạch toán chi tiết :

- Mở tài khoản chi tiết theo từng tổ chức, cá nhân vay tiền.

1.2. Đối với các tài khoản “Nợ cần chú ý”:

Các Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc vàng) TCTD cho các TCTD khác, các tổ chức, cá nhân (trong nước, nước ngoài) vay và được TCTD phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán các tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán các tài khoản “Nợ đủ tiêu chuẩn”.

1.3. Đối với các tài khoản “Nợ dưới tiêu chuẩn”:

Các Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc vàng) TCTD cho các TCTD khác, các tổ chức, cá nhân (trong nước, nước ngoài) vay và được TCTD phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

ngoài) vay và được TCTD phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán các tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán các tài khoản “Nợ đủ tiêu chuẩn”.

1.4. Đối với các tài khoản “Nợ nghi ngờ”:

Các Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc vàng) TCTD cho các TCTD khác, các tổ chức, cá nhân (trong nước, nước ngoài) vay và được TCTD phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán các tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán các tài khoản “Nợ đủ tiêu chuẩn”.

1.5. Đối với các tài khoản “Nợ có khả năng mất vốn”:

Các Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc vàng) TCTD cho các TCTD khác, các tổ chức, cá nhân (trong nước, nước ngoài) vay và được TCTD phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán các tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán các tài khoản “Nợ đủ tiêu chuẩn”.

2. Sửa đổi tên, nội dung hạch toán trên một số tài khoản quy định tại Mục II trong Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN, như sau:

2.1. Sửa đổi tài khoản 311-Công cụ lao động đang dùng:

“Tài khoản 311-Công cụ, dụng cụ

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại công cụ, dụng cụ của TCTD.

Hạch toán tài khoản này phải thực hiện theo một số quy định sau:

- Kế toán nhập, xuất, tồn kho công cụ, dụng cụ phải phản ánh theo giá trị thực tế.

- Ngoài sổ tài khoản kế toán chi tiết hạch toán theo giá trị của công cụ, dụng cụ, kế toán phải mở sổ chi tiết công cụ, dụng cụ để ghi chép, theo dõi số lượng, giá trị của từng loại công cụ, dụng cụ.

Thủ kho phải mở thẻ kho để ghi chép, theo dõi số lượng của từng loại công cụ, dụng cụ phù hợp với việc mở sổ của kế toán.

- Đối với công cụ, dụng cụ xuất dùng cho hoạt động kinh doanh: phải được ghi chép, theo dõi về hiện vật và giá trị trên sổ chi tiết theo dõi từng nơi sử dụng và người chịu trách nhiệm vật chất.

- Đối với các công cụ, dụng cụ có giá trị nhỏ khi xuất dùng cho hoạt động kinh doanh phải phân bổ một lần 100% giá trị vào chi phí.

- Đối với các công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần có giá trị lớn và được sử dụng trong nhiều kỳ kế toán thì giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được hạch toán vào tài khoản “Chi phí chờ phân bổ” và phân bổ dần vào chi phí cho các kỳ kế toán.

Bên Nợ ghi: - Giá trị công cụ, dụng cụ nhập kho.

Bên Có ghi: - Giá trị công cụ, dụng cụ xuất kho.

Số dư Nợ: - Phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ tồn kho.

Hạch toán chi tiết:

- Mở tài khoản chi tiết theo từng nhóm hoặc từng loại công cụ, dụng cụ.”

2.2. Sửa đổi nội dung hạch toán tài khoản 383-Uỷ thác đầu tư, cho vay bằng đồng Việt Nam:

“Tài khoản 383-Uỷ thác đầu tư, cho vay bằng đồng Việt Nam

Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền đồng Việt Nam TCTD chuyển cho các tổ chức nhận uỷ thác đầu tư, cho vay với mức tiền đã thoả thuận theo hợp đồng uỷ thác đầu tư, cho vay đã ký kết giữa hai bên.

Bên Nợ ghi: - Số tiền chuyển cho tổ chức nhận uỷ thác đầu tư, cho vay.

Bên Có ghi: - Số tiền tổ chức nhận uỷ thác đầu tư, cho vay thanh toán theo hợp đồng.

Số dư Nợ: - Phản ánh số tiền chuyển cho tổ chức nhận uỷ thác nhưng chưa thực hiện nghiệp vụ uỷ thác đầu tư, cho vay.

Hạch toán chi tiết:

- Mở tài khoản chi tiết theo từng tổ chức nhận uỷ thác, từng loại uỷ thác đầu tư, cho vay.”

2.3. Sửa đổi nội dung hạch toán tài khoản 384-Uỷ thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ:

“Tài khoản 384-Uỷ thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị ngoại tệ TCTD chuyển cho các tổ chức nhận uỷ thác đầu tư, cho vay với mức tiền đã thoả thuận theo hợp đồng uỷ thác đầu tư, cho vay đã ký kết giữa hai bên.

Nội dung hạch toán tài khoản này giống như nội dung hạch toán tài khoản 383.

3. Sửa đổi một số nội dung hạch toán tài khoản 833-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại khoản 27 Điều 3 Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 của Thống đốc NHNN, như sau:

“Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của TCTD bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của TCTD trong năm hiện hành.

Hạch toán tài khoản này cần thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 17-Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định sau:

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận (hoặc lỗ) của một năm tài chính.

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

3. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

4. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ:

- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.”

Điều 3. Bổ sung nội dung hạch toán và một số tài khoản vào Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc NHNN như sau:

1. Bổ sung nội dung vào Mục I - Những quy định chung như sau:

1.1. Bổ sung nội dung vào điểm 3.1 - Về mở và sử dụng tài khoản cấp III

“3.1.3 - Đối với các tài khoản theo dõi các khoản nợ; các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể phù hợp với quy định về phân loại nợ hiện hành:

TCTD được lập chỉ tiêu các tài khoản nêu trên đến các tài khoản cấp II trên bảng cân đối tài khoản kế toán gửi kèm theo Báo cáo phân loại nợ gửi NHNN (bằng file và văn bản) và chỉ tiêu báo cáo gốc do NHNN hướng dẫn khi có đủ các điều kiện quy định tại điểm 3.1.1 và các điều kiện sau:

+ Có hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo thực hiện phân loại nợ chính xác tới từng khoản vay/ khách hàng vay theo đúng quy định hiện hành; 

+ Được NHNN đồng ý bằng văn bản về việc lập chỉ tiêu các tài khoản nêu trên đến các tài khoản cấp II trên bảng cân đối tài khoản kế toán."

1.2. Bổ sung nội dung vào điểm 5 - Định khoản ký hiệu tài khoản chi tiết

"Ngoài ra, các TCTD được mở thêm tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý nghiệp vụ khi cần thiết".

2. Bổ sung Tài khoản 4896-Dự phòng cụ thể đối với các cam kết ngoại bảng

Tài khoản này dùng để phản ánh việc trích lập và sử dụng dự phòng cụ thể đối với các khoản cam kết bảo lãnh, cam kết cho vay, chấp nhận thanh toán,... của TCTD với khách hàng nhằm xử lý rủi ro tín dụng ngoại bảng trong hoạt động ngân hàng theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Có ghi: - Số dự phòng cụ thể đối với các cam kết ngoại bảng được trích lập.

Bên Nợ ghi: - Xử lý khoản rủi ro;
- Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng đã lập.

Số dư Có: - Phản ánh số dự phòng cụ thể của cam kết ngoại bảng hiện có.

Hạch toán chi tiết:

- Mở tài khoản chi tiết theo các nhóm nợ.

3. Bổ sung Tài khoản 921-Cam kết bảo lãnh vay vốn

"Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền TCTD cam kết bảo lãnh vay vốn cho các tổ chức và cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết.

Tài khoản 921 có các tài khoản cấp III sau:

- 9211-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)
- 9212-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)
- 9213-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)
- 9214-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)
- 9215-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Tài khoản 9211-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)

Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền TCTD cam kết bảo lãnh vay vốn cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết và được TCTD phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Nợ ghi: - Số tiền bảo lãnh vay vốn;

- Số tiền chuyển từ tài khoản thích hợp khác sang theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Có ghi:

- Số tiền chuyển sang tài khoản thích hợp khác theo quy định hiện hành về phân loại nợ;

- Số tiền TCTD hết nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn hoặc đã phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn.

Số dư Nợ:

- Phản ánh số tiền còn phải bảo lãnh vay vốn cho khách hàng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Hạch toán chi tiết:

- Mở tài khoản chi tiết theo từng khách hàng được bảo lãnh vay vốn.

Tài khoản 9212-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)

Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền TCTD cam kết bảo lãnh vay vốn, cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết và được TCTD phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Nợ ghi:

- Số tiền chuyển từ tài khoản thích hợp khác sang theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Bên Có ghi

- Số tiền chuyển sang tài khoản thích hợp khác theo quy định hiện hành về phân loại nợ;

- Số tiền TCTD hết nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn hoặc đã phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Số dư Nợ:

- Phản ánh số tiền còn phải bảo lãnh vay vốn cho khách hàng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Hạch toán chi tiết:

- Mở tài khoản chi tiết theo từng khách hàng được bảo lãnh vay vốn.

Tài khoản 9213-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)

Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền TCTD cam kết bảo lãnh vay vốn cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết và được TCTD phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán tài khoản “Nợ cần chú ý”.

Tài khoản 9214-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)

Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền TCTD cam kết bảo lãnh vay vốn cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết và được TCTD phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán tài khoản “Nợ cần chú ý”.

Tài khoản 9215-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Tài khoản này dùng để hạch toán số tiền TCTD cam kết bảo lãnh vay vốn cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết và được TCTD phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) theo quy định hiện hành về phân loại nợ.

Nội dung hạch toán tài khoản này tương tự như nội dung hạch toán tài khoản “Nợ cần chú ý”.

4. Bổ sung Tài khoản 922- Cam kết bảo lãnh thanh toán

Tài khoản này dùng để hạch toán toàn bộ số tiền TCTD bảo lãnh thanh toán cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.

Tài khoản 922 có các tài khoản cấp III sau:

9221-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)

9222-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)

9223-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)

9224-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)

9225-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Nội dung hạch toán tài khoản 922 tương tự như nội dung hạch toán tài khoản 921.

5. Bổ sung Tài khoản 924-Cam kết cho vay không huỷ ngang

Tài khoản này dùng để hạch toán toàn bộ số tiền TCTD cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết.

Tài khoản 924 có các tài khoản cấp III sau:

9241-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)

9242-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)

9243-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)

9244-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)

9245-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Nội dung hạch toán tài khoản 924 tương tự như nội dung hạch toán tài khoản 921.

6. Bổ sung Tài khoản 925-Cam kết trong nghiệp vụ L/C

Tài khoản này dùng để hạch toán toàn bộ số tiền TCTD cam kết trong nghiệp vụ L/C cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết.

Tài khoản 925 có các tài khoản cấp III sau:

9251-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)

9252-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)

9253-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)

9254-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)

9255-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Nội dung hạch toán tài khoản 925 tương tự như nội dung hạch toán tài khoản 921.

7. Bổ sung Tài khoản 926-Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Tài khoản này dùng để hạch toán toàn bộ số tiền TCTD bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng.

Tài khoản 926 có các tài khoản cấp III sau:

9261-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)

9262-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)

9263-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)

9264-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)

9265-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Nội dung hạch toán tài khoản 926 tương tự như nội dung hạch toán tài khoản 921.

8. Bổ sung Tài khoản 927-Cam kết bảo lãnh dự thầu

Tài khoản này dùng để hạch toán toàn bộ số tiền TCTD bảo lãnh dự thầu cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng.

Tài khoản 927 có các tài khoản cấp III sau:



- 9271-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)
9272-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)
9273-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)
9274-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)
9275-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Nội dung hạch toán tài khoản 927 tương tự như nội dung hạch toán tài khoản 921.

9. Bổ sung Tài khoản 928-Cam kết bảo lãnh khác

Tài khoản này dùng để hạch toán toàn bộ số tiền TCTD có nghĩa vụ bảo lãnh khác cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết mà TCTD chưa phải thực hiện nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng.

Tài khoản 928 có các tài khoản cấp III sau:

- 9281-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)
9282-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 2 (Nợ cần chú ý)
9283-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn)
9284-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)
9285-Cam kết ngoại bảng được phân loại vào nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)

Nội dung hạch toán tài khoản 928 tương tự như nội dung hạch toán tài khoản 921.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán- Tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học Ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5 (để thực hiện);
- Ban lãnh đạo NHNN (để b/c);
- VPCP (02 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Bộ Tài chính;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ KTTC.

THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC

ĐẶNG THANH BÌNH